

Pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam

Nguyễn Thị Trâm¹

¹ Học viện Chính trị Khu vực II.
Email: tramnt@hcma2.edu.vn

Nhận ngày 22 tháng 7 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 11 năm 2017.

Tóm tắt: Ở Việt Nam, pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh ra đời cùng Luật Cạnh tranh năm 2004. Pháp luật đó có tác dụng tích cực trong việc bảo vệ cạnh tranh, bảo đảm trật tự thị trường, bảo vệ quyền cạnh tranh tự do bình đẳng, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh doanh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Bên cạnh đó, pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh cũng còn những hạn chế, gây ảnh hưởng đến quá trình thực hiện kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam, đó là: các quy định về hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh (TTHCCT) vẫn chưa đầy đủ; quy định về cấm TTHCCT còn nhiều hạn chế; quy định về xử lý vi phạm pháp luật chưa phân định rõ hình thức xử lý; quy định về miễn trừ thiếu tính bao quát.

Từ khóa: Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, Luật Cạnh tranh 2004, pháp luật.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: In Vietnam, the law to control competition restriction agreement was started with the Competition Law in 2004. The law has had positive effects in protecting competition, ensuring the market order, protecting the right to freedom and equality in competition and the legitimate rights and interests of business entities, as well as protecting consumers' interests. However, the law controlling the competition restriction agreement does have limitations, which affect the process of controlling such agreement in Vietnam. The limitations include the incomplete regulation on the behaviours of such agreement, the inadequacies in the stipulations on the ban against the agreement, with the regulation on handling breaches remaining unclear, and regulation on exemptions not sufficiently covering.

Keywords: Competition restriction agreement, the 2004 Competition Law, law.

Subject classification: Jurisprudence

1. Đặt vấn đề

Pháp luật về kiểm soát TTHCCT là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong việc kiểm soát các thỏa thuận làm giảm, sai lệch, cản trở cạnh tranh trên thị trường. Luật Cạnh tranh được coi là “hiến pháp” của nền kinh tế thị trường. Cùng với pháp luật về kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và kiểm soát tập trung kinh tế, pháp luật về TTHCCT là một trong ba trụ cột của pháp luật về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh. Ở Việt Nam, Luật Cạnh tranh 2004 là văn bản luật đầu tiên quy định một cách khá đầy đủ về kiểm soát TTHCCT. Bài viết làm rõ quá trình ra đời, phát triển cũng như các hiệu quả mà pháp luật về kiểm soát TTHCCT mang lại, đồng thời chỉ ra những hạn chế, bất cập của pháp luật gây ảnh hưởng đến quá trình thực thi kiểm soát TTHCCT.

2. Quy định pháp luật về kiểm soát TTHCCT ở Việt Nam

Trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam ra đời khá muộn. Văn bản luật đầu tiên trực tiếp ghi nhận và bảo vệ quyền tự do cạnh tranh là Luật Thương mại năm 1997. Tuy nhiên, Luật Thương mại 1997 chỉ điều chỉnh các hành vi được pháp luật coi là các hành vi cạnh tranh không lành mạnh (như bán phá giá, đầu cơ, gièm pha thương nhân khác...). Luật Các tổ chức tín dụng 1997 cũng ghi nhận “Các tổ chức hoạt động ngân hàng được hợp tác và cạnh tranh hợp pháp” tại Điều 16 nhưng tương tự như Luật Thương mại 1997. Các hành vi luật nghiêm cấm cũng là những hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Vào thời điểm này, những quy định về kiểm

soát hành vi hạn chế cạnh tranh vẫn còn hoàn toàn xa lạ với pháp luật Việt Nam.

Pháp lệnh Giá số 40/2002/PL-UBTVQH có thể được xem là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên quy định về kiểm soát TTHCCT khi cấm các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh “Cấu kết với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh khác để liên kết độc quyền về giá, gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh khác, của người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước” (Điều 28, Khoản 1). Đây là các hành vi thỏa thuận ấn định giá sau này đã được Luật Cạnh tranh 2004 điều chỉnh. Tuy nhiên, quy định trong Pháp lệnh Giá chỉ là một điều khoản nhỏ nên chưa đủ hình thành chế định pháp luật về kiểm soát TTHCCT.

Xuất phát từ những yêu cầu khách quan của đời sống kinh tế xã hội, cũng là từ yêu cầu hoàn thiện khung pháp lý về kinh tế thị trường nhằm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đến năm 2003, Chính phủ chính thức giao Bộ Thương mại chủ trì xây dựng Dự thảo Luật Cạnh tranh và ngày 03/12/2004, Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật Cạnh tranh 2004. Đây là văn bản luật chính thức và đầy đủ nhất về pháp luật cạnh tranh, gồm cả luật nội dung và luật hình thức, điều chỉnh hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hạn chế cạnh tranh. Với sự ra đời của Luật Cạnh tranh 2004, pháp luật về kiểm soát TTHCCT được hình thành tương đối đầy đủ, có vị trí luật chung; các văn bản luật khác (như Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Đấu thầu, Luật Giá, Luật Chứng khoán...) có quy định về kiểm soát TTHCCT trong các lĩnh vực cụ thể là luật chuyên ngành.

Năm 2015, với tinh thần cần phải quy định tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế, Bộ luật Hình sự (sửa đổi) đã bổ sung một điều luật

mới “Tội vi phạm các quy định về cạnh tranh” với mức phạt tiền có thể lên tới 3 tỷ đồng, mức phạt tù có thể lên tới 05 năm, cùng với các hình phạt bổ sung. Khi Bộ luật Hình sự 2015 có hiệu lực thi hành vào ngày 01/01/2018, lần đầu tiên Việt Nam sẽ áp dụng biện pháp hình sự với các TTHCCT vi phạm pháp luật nhằm tăng hiệu quả kiểm soát TTHCCT.

Bối cảnh kinh tế - xã hội của Việt Nam thời gian qua (đặc biệt khi Việt Nam hội nhập sâu, rộng hơn với nền kinh tế thế giới) đã có nhiều thay đổi. Tình hình đó đã tác động đến một số nội dung của Luật Cạnh tranh và làm cho nó không còn phù hợp nữa. Do vậy, Quốc hội khóa XIV đã quyết định sửa đổi Luật Cạnh tranh 2004, với nhiều nội dung liên quan đến kiểm soát TTHCCT. Văn bản luật dự thảo dự kiến sẽ được thông qua vào tháng 5 năm 2018. Trong tương lai gần, pháp luật về kiểm soát TTHCCT sẽ tiếp tục có những bước phát triển mới.

3. Những thành tựu của pháp luật về kiểm soát TTHCCT của Việt Nam

Thứ nhất, sự hình thành chế định pháp luật về kiểm soát TTHCCT đánh dấu lần đầu tiên Việt Nam có được một chế định pháp luật tương đối toàn diện gồm cả luật nội dung và luật hình thức về kiểm soát TTHCCT. Vị thế pháp lý của Việt Nam trong lĩnh vực này là khá cao so với các nước trong khu vực ASEAN; chỉ đứng sau Thái Lan, Indonesia và ngang với Singapore. Chế định pháp luật về kiểm soát TTHCCT của Việt Nam đã thể hiện được tinh thần bảo vệ cạnh tranh tự do, lành mạnh; về cơ bản tương đồng với pháp luật cạnh tranh của nhiều quốc gia trên thế giới; đáp ứng phần nào yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Thứ hai, chế định pháp luật về kiểm soát TTHCCT của Việt Nam được xây dựng hợp lý, logic theo cấu trúc quy định hành vi/cấm/miễn trừ. Các quy định về TTHCCT (bao gồm các hành vi TTHCCT bị cấm và các quy định về miễn trừ đối với TTHCCT) được thiết kế tại Luật Cạnh tranh 2004 thành ba điều khoản (Điều 8, Điều 9 và Điều 10) nối tiếp nhau. Quy định về xử lý vi phạm và quy định về trình tự, thủ tục điều tra và xử lý vụ việc TTHCCT được thiết kế ở chương V (Điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh). Đây là một cấu trúc hợp lý, chặt chẽ, tạo điều kiện tiếp cận nội dung của chế định một cách dễ dàng.

Thứ ba, chế định pháp luật về kiểm soát TTHCCT Việt Nam đã điều chỉnh tương đối đầy đủ các quan hệ phát sinh từ hành vi TTHCCT. Chế định pháp luật đó xác định được các hành vi TTHCCT và bản chất của TTHCCT. Khoản 3, Điều 3 Luật Cạnh tranh 2004; đã giải thích rõ ràng rằng “hành vi hạn chế cạnh tranh” là hành vi của doanh nghiệp “làm giảm, làm sai lệch, cản trở cạnh tranh trên thị trường”. Luật Cạnh tranh 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng đã định hình về một loại hành vi mới mà trước đó chưa từng được điều chỉnh, về cơ bản đã xác định được những thỏa thuận hạn chế cạnh tranh cần kiểm soát trên thị trường². Chế định pháp luật đó đã xây dựng được “khung pháp lý” cơ bản về kiểm soát TTHCCT. Khung đó bao gồm: các quy định kiểm soát TTHCCT (theo hai nhóm: nhóm bị cấm tuyệt đối và nhóm bị cấm có điều kiện); các quy định về xử lý vi phạm rất đa dạng (với các biện pháp xử lý như cảnh cáo, phạt tiền, phạt bổ sung, cùng các biện pháp khắc phục hậu quả với các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng); các quy định về miễn trừ đối với TTHCCT vi phạm pháp luật. Có thể thấy, khung pháp lý này bước đầu đáp ứng yêu cầu kiểm soát TTHCCT. Trên thực tế, cơ quan

quản lý cạnh tranh cũng đã áp dụng chế định pháp lý trên để xử lý vụ việc thỏa thuận ấn định giá của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ năm 2010 và vụ việc thỏa thuận ấn định mức phí bảo hiểm học sinh tại Khánh Hòa vào năm 2013.

Thứ tư, Luật Cạnh tranh 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý để xây dựng và tổ chức hoạt động đối với Hội đồng cạnh tranh và Cục Quản lý cạnh tranh (các cơ quan thực hiện pháp luật về kiểm soát TTHCCT). Trên thực tế, hoạt động của các cơ quan này đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận.

4. Những hạn chế của pháp luật về kiểm soát TTHCCT của Việt Nam

Trong hơn mười năm thực thi, pháp luật về kiểm soát TTHCCT đã đạt được nhiều thành quả, nhưng nó đã và đang bộc lộ những hạn chế nhất định.

Một là, các quy định về hành vi TTHCCT hiện nay vẫn chưa đầy đủ, chưa làm rõ chủ thể tham gia TTHCCT và chưa bao quát hết các dạng thức TTHCCT trong thực tiễn.

Xác định một TTHCCT cần phải có ít nhất hai yếu tố; đó là “thỏa thuận” và “hạn chế cạnh tranh”. Pháp luật hiện hành đã làm rõ về “hạn chế cạnh tranh” tại Khoản 3 Điều 3 Luật Cạnh tranh 2004, nhưng đã bỏ sót yếu tố “thỏa thuận”. Pháp luật cần làm rõ rằng một TTHCCT có hay không có sự thống nhất ý chí giữa các bên, cùng các phương thức thể hiện sự thống nhất ý chí giữa các bên tham gia thỏa thuận đó (chẳng hạn là cam kết, thống nhất cùng hành động, hay là những cử chỉ ngụ ý thể hiện dưới bất kể hình thức nào). Mặc dù pháp luật Việt Nam cũng như nhiều quốc gia khác cấm bất kỳ hình thức thông đồng làm sai lệch cạnh tranh, “nhưng (nó)

không làm mất đi quyền của các chủ thể kinh doanh được thích nghi với một cách thông minh với các hành vi hiện tại và tương lai của đối thủ cạnh tranh của họ”³. Trường hợp doanh nghiệp có các “hành vi tương đồng”, “hành vi song song” nhằm thích nghi với hành vi cạnh tranh của đối thủ, nhưng không có sự thống nhất ý chí giữa các bên, thì trường hợp đó không thể có TTHCCT. Do đó, xác định có hay không sự thống nhất giữa các đối thủ kinh doanh là vấn đề rất quan trọng mà pháp luật về kiểm soát TTHCCT của Việt Nam cần lưu ý.

Quy định về hành vi TTHCCT hiện nay cũng chưa làm rõ chủ thể tham gia TTHCCT. Kinh tế học đã xác định chủ thể tham gia TTHCCT là các đối thủ cạnh tranh trên thị trường, TTHCCT là trò chơi của các doanh nghiệp trong thị trường độc quyền nhóm hợp tác với nhau để có đủ sức mạnh chi phối thị trường [4, tr.48]. Luật Cạnh tranh 2004 quy định về đối tượng áp dụng là các doanh nghiệp và hiệp hội ngành nghề hoạt động ở Việt Nam. Như vậy, luật vẫn thiếu sự rõ ràng về thuộc tính chủ thể TTHCCT là “các đối thủ cạnh tranh”.

Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành với quy định cụ thể 8 dạng TTHCCT đã làm thu hẹp phạm vi điều chỉnh của pháp luật. Cách xây dựng quy định về hành vi TTHCCT vừa cứng nhắc, vừa hẹp của pháp luật Việt Nam hoàn toàn không theo kịp thực tiễn, bỏ sót những TTHCCT, gây tác dụng tiêu cực, gây khó khăn cho cơ quan thực thi pháp luật. Hướng hoàn thiện là cần quy định các “tiêu chí” để xác định TTHCCT chứ không quy định liệt kê hành vi cụ thể.

Hai là, các quy định về cấm TTHCCT còn nhiều hạn chế; quy định coi nhóm TTHCCT bị cấm có điều kiện sử dụng thì phần là cơ sở duy nhất để xác định điều kiện cấm là quy định chưa hợp lý; quy định

về nhóm TTHCCT bị cấm tuyệt đối bất cập và không tương thích với pháp luật nhiều quốc gia trên thế giới.

Những TTHCCT bị cấm tuyệt đối (những thỏa thuận mang bản chất hạn chế cạnh tranh “mà không phải có thêm sự bổ sung nào khác”) thường áp dụng với các TTHCCT nghiêm trọng như thỏa thuận ấn định giá hàng hóa một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát sản lượng, thỏa thuận phân chia thị trường, khu vực, khách hàng và thông đồng đấu thầu [2, tr.13]. Trong các TTHCCT thuộc nhóm bị cấm tuyệt đối của pháp luật Việt Nam không có thỏa thuận ấn định giá, thỏa thuận hạn chế sản lượng hoặc hạn ngạch, thỏa thuận phân chia thị trường. Trong điều kiện riêng của nền kinh tế thị trường Việt Nam, những thỏa thuận ngăn cản, kìm hãm, loại bỏ mang lại tác hại nghiêm trọng, nên cần được cấm tuyệt đối. Nhưng cũng cần xem xét đánh giá những TTHCCT thuộc nhóm nghiêm trọng. Kinh tế học coi thỏa thuận giữa các đối thủ cạnh tranh về giá là một trong những TTHCCT nghiêm trọng. “Sở dĩ như vậy vì giá cả là một trong những yếu tố cơ bản của thị trường” [4, tr.55], thỏa thuận ấn định giá luôn mang bản chất hạn chế cạnh tranh, ngoài gây tác hại nghiêm trọng cho nền kinh tế còn tác hại lớn đến người tiêu dùng. Chế định pháp luật về kiểm soát TTHCCT của Việt Nam không cấm tuyệt đối những TTHCCT này; điều đó sẽ làm pháp luật Việt Nam thiếu tương đồng với thế giới, gây bất cập trong thực thi đối với những thỏa thuận ấn định giá, thỏa thuận hạn chế sản lượng hoặc hạn ngạch, thỏa thuận phân chia thị trường xuyên biên giới đang rất phổ biến hiện nay.

Đối với nhóm bị cấm có điều kiện, pháp luật Việt Nam quy định rằng điều kiện duy nhất là mức thị phần kết hợp trên thị trường liên quan từ 30% trở lên của nhóm doanh

nh nghiệp tham gia thỏa thuận. Đây là một điểm đặc biệt của pháp luật cạnh tranh Việt Nam. Để xác định sức mạnh thị trường của một doanh nghiệp hoặc nhóm doanh nghiệp, cơ quan cạnh tranh thường phải tiến hành những nghiên cứu toàn diện và phức tạp dựa trên việc phân tích rất nhiều yếu tố như cấu trúc thị trường, thị phần, tỷ lệ tập trung, rào cản gia nhập thị trường, rào cản mở rộng thị trường... Mức thị phần kết hợp trên thị trường liên quan chỉ là một trong những yếu tố phản ánh sức mạnh chi phối thị trường của nhóm doanh nghiệp tham gia thỏa thuận, không đánh giá hoàn toàn được khả năng gây hạn chế cạnh tranh. Bên cạnh đó, trong nền kinh tế, mỗi ngành lại có đặc điểm thị trường riêng, có thể có những thị trường mà ngưỡng thị phần kết hợp tới 30% vẫn chưa đủ tạo hệ quả tác động đến thị trường. Do đó pháp luật kiểm soát TTHCCT Việt Nam sử dụng thị phần là cơ sở duy nhất để cấm TTHCCT là bất cập. Quy định chung về một ngưỡng thị phần kết hợp 30% cho tất cả các thị trường, các ngành nghề, lĩnh vực cũng là bất cập. Việt Nam nên có hướng tiếp cận thỏa đáng hơn, đi vào bản chất của TTHCCT, đó là cân nhắc giữa hậu quả hạn chế cạnh tranh với tác dụng thúc đẩy cạnh tranh để xác định điều kiện cấm, hơn là hướng tiếp cận nặng về hình thức như hiện nay.

Ba là, các quy định về xử lý vi phạm pháp luật chưa phân định rõ hình thức xử lý đối với từng nhóm TTHCCT bị cấm; căn cứ để xác định mức phạt chưa chính xác; những quy định về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ chưa đầy đủ.

Pháp luật về kiểm soát TTHCCT của Việt Nam dù quy định có hai nhóm (bị cấm tuyệt đối và bị cấm có điều kiện), nhưng lại chỉ quy định một hình thức xử lý (nếu vi phạm).

Hình phạt chính là cảnh cáo và phạt tiền, trong đó phạt tiền được xác định theo mức

“đến 10% tổng doanh thu trong năm tài chính trước năm thực hiện hành vi vi phạm” đối với từng doanh nghiệp tham gia TTHCCT. Tuy nhiên, pháp luật chỉ quy định về tổng doanh thu một cách chung chung, mà không quy định rõ ràng tổng doanh thu để xác định mức phạt phải là doanh thu trên thị trường liên quan. Về xử lý vi phạm đối với TTHCCT, pháp luật quy định mức phạt tiền tối đa đến 10% tổng doanh thu của năm tài chính trước năm thực hiện hành vi vi phạm, nhưng lại không quy định về mức phạt tiền tối thiểu. Tuy có quy định nhiều tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng, nhưng pháp luật chưa có quy định về giảm nhẹ cho những người vô tình tham gia hoặc những người đã ngưng ngay hành vi TTHCCT khi cơ quan quản lý cạnh tranh can thiệp. Bên cạnh đó, pháp luật cũng chưa có tình tiết tăng nặng cho những người khởi xướng, những người tổ chức, những người đóng vai trò chủ chốt trong một TTHCCT. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng này sẽ góp phần tăng mục đích răn đe, giáo dục đối với doanh nghiệp vi phạm và tăng khả năng phòng ngừa vi phạm.

Bốn là, các quy định về miễn trừ thiếu bao quát (do mang kết cấu khép kín theo phương thức liệt kê), cách tiếp cận về các điều kiện miễn trừ còn đơn giản, chưa thực sự đi vào bản chất của TTHCCT.

Hiện nay, pháp luật qui định rằng việc miễn trừ các TTHCCT không áp dụng với nhóm bị cấm tuyệt đối, chỉ các TTHCCT bị cấm có điều kiện mới được xem xét miễn trừ có thời hạn. Trường hợp được xem xét miễn trừ có thời hạn cần phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây (nhằm hạ giá thành, có lợi cho người tiêu dùng): hợp lý hoá cơ cấu tổ chức, mô hình kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh doanh; thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, nâng cao chất lượng hàng hoá, dịch vụ; thúc đẩy việc áp

dụng thống nhất các tiêu chuẩn chất lượng, định mức kỹ thuật của chủng loại sản phẩm; thống nhất các điều kiện kinh doanh, giao hàng, thanh toán nhưng không liên quan đến giá và các yếu tố của giá; tăng cường sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa; và tăng cường sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế. Như vậy, theo quy định, điều kiện để được miễn trừ bao gồm hai điều kiện, đó là: phải đáp ứng một trong sáu điều kiện cụ thể luật định, và phải hạ giá thành, có lợi cho người tiêu dùng.

Quy định về miễn trừ trong chế định pháp luật về kiểm soát TTHCCT Việt Nam theo phương thức liệt kê nên có kết cấu khép kín. Ưu điểm của liệt kê là cụ thể, rõ ràng; nhưng nhược điểm của liệt kê chính là có khả năng bỏ sót những trường hợp TTHCCT “hạ giá thành, có lợi cho người tiêu dùng”.

Về tiêu chí, “hạ giá thành, có lợi cho người tiêu dùng” là các tiêu chí tích cực, nhưng tích cực đến mức nào đi nữa cũng không bù lại được tác hại của một TTHCCT có thể gây ra. Bởi vì bản chất của TTHCCT là luôn làm hạn chế cạnh tranh trên thị trường, “hạ giá thành, có lợi cho người tiêu dùng” chỉ là lợi ích ngắn hạn; về lâu dài, khi thị trường bị hạn chế cạnh tranh thì chính người tiêu dùng sẽ phải chịu tác hại từ giá độc quyền. Pháp luật cạnh tranh của Liên minh Châu Âu (EU) về miễn trừ cũng đề cao yếu tố “chia sẻ lợi ích cho người tiêu dùng”, nhưng đó chỉ là “điều kiện cần”. Để được hưởng miễn trừ cần phải kèm theo “điều kiện đủ”, đó là: những điều khoản về hạn chế trong thỏa thuận phải là những điều khoản cần thiết, không thể thiếu được để đạt được những hiệu quả tích cực trên và thỏa thuận phải không loại bỏ cạnh tranh trên thị trường liên quan [7, tr.48]. Kinh nghiệm của EU có thể là bài học để Việt Nam tham khảo về xác định các

điều kiện miễn trừ trong quá trình hoàn thiện pháp luật.

4. Kết luận

Pháp luật về kiểm soát TTHCCT của Việt Nam chỉ mới hình thành và phát triển hơn 13 năm, nhưng đã có được những thành tựu bước đầu trong việc tạo dựng hành lang pháp lý để góp phần bảo vệ môi trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh, bảo vệ quyền cạnh tranh tự do bình đẳng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể hoạt động trên thị trường. Những phân tích về các hạn chế, bất cập sẽ là những cơ sở để góp phần hoàn thiện pháp luật về kiểm soát TTHCCT Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Việc hoàn thiện pháp luật về kiểm soát TTHCCT sẽ giúp cho Việt Nam có vị thế mới trong lĩnh vực này, đáp ứng được các yêu cầu pháp lý khi tham gia hội nhập quốc tế.

Chú thích

² Gồm: Thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; thỏa thuận phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ; thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất, mua, bán hàng hóa, dịch vụ; thỏa thuận hạn chế phát triển kỹ thuật, công nghệ, hạn chế đầu tư; thỏa thuận áp đặt cho doanh nghiệp khác điều kiện ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, dịch vụ hoặc buộc doanh nghiệp khác chấp nhận các nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng; thỏa thuận ngăn cản, kìm hãm, không cho doanh nghiệp khác tham gia thị trường hoặc phát triển kinh doanh; thỏa thuận loại bỏ khỏi thị trường những doanh nghiệp không phải là các bên của thỏa thuận; thông đồng để một hoặc

các bên của thỏa thuận thắng thầu trong việc cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

³ Mục 3, Phán quyết số 61985J0089(01) của Tòa Sơ thẩm Châu Âu (Fifth Chamber) ngày 31/3/1993 về vụ việc A. Ahlström Osakeyhtiö and others v Commission of the European Communities.

Tài liệu tham khảo

- [1] Alan B. Morrison (Chủ biên) (2007), *Những vấn đề cơ bản của luật pháp Mỹ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Cục Quản lý cạnh tranh (2012), *Báo cáo rà soát các quy định của Luật Cạnh tranh Việt Nam*, Cục Quản lý cạnh tranh phối hợp với Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) xuất bản, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Văn Cương (2006), *Tiêu chí đánh giá tính cạnh tranh bất hợp pháp của một số nước và một số bình luận về luật cạnh tranh của Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
- [4] Phí Mạnh Hồng (2010), *Giáo trình kinh tế vi mô*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Hữu Huyền (2004), *Luật Cạnh tranh của Pháp và Liên minh Châu Âu*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
- [6] Phùng Văn Thành (2012), “Sức mạnh thị trường đáng kể từ góc độ lý thuyết kinh tế đến quy định của pháp luật Cạnh tranh”, *Bản Tin Cạnh Tranh và Người Tiêu Dùng*, số 36.
- [7] Nguyễn Thị Trâm (2015), “Miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh vi phạm pháp luật - so sánh pháp luật cạnh tranh EU và Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Châu Âu*, số 1.
- [8] Lê Danh Vĩnh, Hoàng Xuân Bắc, Nguyễn Ngọc Sơn (2006), *Pháp luật cạnh tranh tại Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
- [9] Organisation For Economic Co-Operation and Development (OECD), (2005), *Hard Core Cartels: Third Report On The Implementation Of The 1998 Recommendation*.